

Lời mở đầu

Bên cạnh vốn trong nước thì vốn đầu tư nước ngoài là nguồn vốn quan trọng với phát triển kinh tế xã hội địa phương. Nhận thức được điều này, trong những năm gần đây thu hút đầu tư nước ngoài đã được các cấp lãnh đạo Cao Bằng quan tâm đặc biệt. Đầu tư nước ngoài vào Cao Bằng chủ yếu gồm hai loại: ODA, FDI. Vốn ODA đã được tỉnh sử dụng cho phát triển cơ sở hạ tầng, các chương trình xoá đói giảm nghèo, cung cấp điện nước... Do vị trí địa lý, điều kiện địa hình tự nhiên và giao thông rất bất lợi, nên khả năng thu hút FDI của Cao Bằng còn hạn chế. Tỉnh đã dành nhiều ưu đãi đầu tư trên địa bàn song vẫn chưa đủ sức thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Cao Bằng.

Sau một thời gian thực tập tại sở Kế hoạch và Đầu tư Cao Bằng, qua tìm hiểu tình hình thực tế em nhận thấy trong điều kiện Cao Bằng hiện nay tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài là cần thiết, làm tốt công tác này sẽ góp phần đẩy nhanh phát triển kinh tế xã hội. Vì vậy em đã lựa chọn đề tài “***Thực trạng và giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Cao Bằng***” cho chuyên đề thực tập của mình.

Kết cấu của chuyên đề:

Chương I. Những vấn đề lý luận chung

Chương II. Thực trạng thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 1999-2003.

Chương III. Định hướng và một số giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2005 – 2010.

Chương I. Những vấn đề lý luận chung.

I. Khái niệm và vai trò của đầu tư phát triển.

1. Khái niệm đầu tư và đầu tư phát triển.

Đầu tư: Đầu tư theo nghĩa rộng là sự hy sinh các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động có mục đích nhằm thu về các kết quả nhất định trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã bỏ ra để đạt được các kết quả đó. Nguồn lực đó có thể là tiền, tài nguyên; là thời gian, sức lao động trí tuệ.

Kết quả đem lại có thể là sự tăng thêm các tài sản tài chính (tiền), tài sản vật chất (nhà xưởng, thiết bị), tài sản trí tuệ (trình độ văn hoá, chuyên môn, khoa học kỹ thuật) và nguồn nhân lực có đủ điều kiện để làm việc với năng suất cao hơn trong nền sản xuất xã hội. Những kết quả đó có vai trò quan trọng trong mọi trường hợp, không chỉ với nhà đầu tư mà còn với cả nền kinh tế quốc dân.

Theo nghĩa hẹp, đầu tư chỉ bao gồm những hoạt động sử dụng các nguồn lực ở hiện tại nhằm tạo ra tài sản mới cho nền kinh tế, làm tăng tiềm lực sản xuất kinh doanh và mọi hoạt động xã hội khác.

Đầu tư phát triển: Là hoạt động sử dụng các nguồn lực tài chính, nguồn vật chất, nguồn lao động và trí tuệ để xây dựng, sửa chữa nhà cửa và cấu trúc hạ tầng, mua sắm thiết bị và lắp đặt chúng trên nền bệ, bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực, thực hiện chi phí thường xuyên gắn liền với sự hoạt động của các tài sản này nhằm duy trì tiềm lực hoạt

động của các cơ sở đang tồn tại và tạo tiềm lực mới cho nền kinh tế xã hội, tạo việc làm và nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội.

Qua định nghĩa về đầu tư và đầu tư phát triển cho thấy với bất cứ sự phát triển nào cũng gắn với hoạt động đầu tư, bởi vậy đầu tư cho cơ sở hạ tầng, nhà ở cũng chung mục đích đem lại cho tương lai một hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại.

2. Vai trò của đầu tư phát triển.

2.1. Trên giác độ toàn bộ nền kinh tế của đất nước.

- Đầu tư vừa tác động đến tổng cung vừa tác động đến tổng cầu.

+ *Về mặt cầu*: Đầu tư là một yếu tố chiếm tỷ trọng lớn trong tổng cầu toàn bộ nền kinh tế, chiếm khoảng 24 - 28% trong cơ cấu tổng cầu. Đối với tổng cầu, tác động của đầu tư là ngắn hạn. Với tổng cung chưa kịp thay đổi, sự tăng lên của đầu tư làm cho tổng cầu tăng kéo theo sản lượng cân bằng tăng theo và giá cả của các cầu vào tăng theo.

+ *Về mặt cung*: Khi thành quả của đầu tư phát huy tác dụng, các năng lực mới đi vào hoạt động thì tổng cung đặc biệt là tổng cung dài hạn tăng lên. Sản lượng tăng giá cả giảm cho phép tăng tiêu dùng. Tăng tiêu dùng đến lượt mình lại tiếp tục kích thích sản xuất hơn nữa. Sản xuất phát triển là nguồn gốc cơ bản để tăng tích lũy, phát triển kinh tế xã hội, tăng thu nhập cho người lao động, nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội.

- Đầu tư có tác động hai mặt đến sự ổn định kinh tế.

Khi tăng đầu tư cầu của các yếu tố đầu vào tăng vừa làm cho giá của các hàng hoá có liên quan tăng, đến một mức nào đó dẫn đến lạm phát. Lạm phát làm kinh tế phát triển chậm lại, mặt khác khi tăng đầu tư làm cho cầu của các yếu tố có liên quan tăng, sản xuất của các ngành này phát triển, thu hút thêm lao động, giảm tệ nạn xã hội, tạo điều kiện cho

sự phát triển nền kinh tế. Khi giảm đầu tư cũng tác động đến hai mặt, nhưng theo chiều hướng ngược lại.

- Đầu tư tác động đến tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Muốn giữ tốc độ tăng trưởng ở mức trung bình thì tỷ lệ đầu tư phải đạt được từ 15 - 25% so với GDP tùy thuộc vào ICOR của mỗi nước.

$$\text{ICOR} = \frac{\text{Vốn đầu tư}}{\text{Mức tăng GDP}}$$

$$\text{Mức tăng GDP} = \frac{\text{Vốn đầu tư}}{\text{ICOR}}$$

Nếu ICOR không đổi, mức tăng GDP phụ thuộc vào vốn đầu tư.

- Đầu tư và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

Chính sách đầu tư quyết định quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các quốc gia nhằm đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh của toàn bộ nền kinh tế.

Về cơ cấu lãnh thổ, đầu tư có tác dụng giải quyết những mất cân đối về phát triển giữa các vùng lãnh thổ, đưa những vùng kém phát triển thoát khỏi tình trạng đói nghèo, phát huy tối đa lợi thế so sánh về tài nguyên, địa thế, kinh tế, chính trị,... của những vùng có khả năng phát triển nhanh hơn làm bàn đạp thúc đẩy những vùng khác cùng phát triển.

- Đầu tư với việc tăng cường khả năng KH & CN của đất nước.

Công nghệ là trung tâm của công nghiệp hoá. Đầu tư là điều kiện tiên quyết của sự phát triển và tăng cường khả năng công nghệ của nước ta hiện nay.

Chúng ta đều biết rằng có hai con đường cơ bản để có công nghệ là tự nghiên cứu phát minh ra công nghệ và nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài. Dù tự nghiên cứu hay nhập khẩu từ nước ngoài cần phải có tiền, cần phải có vốn đầu tư. Mọi phương án đổi mới công nghệ không gắn với nguồn vốn đầu tư sẽ là những phương án không khả thi.

2.2. Đối với phát triển vùng lãnh thổ.

Vùng lãnh thổ trên một bình diện nào đó là một nền kinh tế thu nhỏ nên hoạt động đầu tư trên phạm vi vùng lãnh thổ cũng có vai trò như là hoạt động đầu tư trên phạm vi quốc gia: tác động đến tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá; đến sự ổn định của nền kinh tế, tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ. Nét khác biệt giữa vùng lãnh thổ và quốc gia là vùng lãnh thổ có điều kiện về tự nhiên và xã hội tư-ong đối đồng nhất trong khi trên phạm vi quốc gia có sự khác biệt giữa các vùng do vậy trong chính sách đầu tư của vùng lãnh thổ vừa chịu sự ảnh hưởng từ chính sách vĩ mô của Nhà nước, vừa thể hiện sự sáng tạo trong việc vận dụng vào điều kiện cụ thể trong khi chính sách đầu tư của quốc gia thực hiện sự linh hoạt giữa các vùng khác nhau.

2.3. Trên giác độ các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ.

Đầu tư quyết định sự ra đời, tồn tại và phát triển nhanh của mỗi cơ sở. Khi tạo dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho sự ra đời bất kỳ cơ sở sản xuất kinh doanh nào đều phải xây dựng nhà xưởng, cấu trúc hạ tầng, lắp đặt máy móc... Các hoạt động này là các hoạt động đầu tư. Sau một thời gian các máy móc này bị hỏng hoặc hao mòn. Để hoạt động sản xuất được diễn ra liên tục cần phải đầu tư kinh phí để sửa chữa và bảo hành. Chứng tỏ đầu tư có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ ở tầm vĩ mô mà còn cả ở tầm vi mô.

3. Các nguồn vốn đầu tư.

Theo nguồn hình thành, vốn đầu tư bao gồm:

3.1. Nguồn vốn trong nước.

Đây là nguồn vốn đóng vai trò quan trọng, quyết định sự phát triển bền vững, lâu dài của nền kinh tế. Nó không những có ý nghĩa to lớn đối với sản xuất kinh doanh trong nội bộ nền kinh tế mà còn có ảnh hưởng to lớn đối với việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Vốn tích lũy trong nước tạo điều kiện xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, tạo ra cơ sở hạ tầng, tạo môi trường đầu tư thuận lợi thu hút và tiếp nhận đầu tư nước ngoài, đồng thời giữ thế chủ động không phụ thuộc vào nước ngoài.

Nguồn vốn trong nước được hình thành từ hai nguồn chính: Đó là nguồn vốn Nhà nước và nguồn vốn tư nhân.

Vốn của Nhà nước bao gồm các nguồn vốn từ ngân sách, vốn tín dụng đầu tư và vốn của doanh nghiệp Nhà nước. ở nước ta, các nguồn vốn này thông thường được Nhà nước đầu tư vào nhiều lĩnh vực khác nhau. Nguồn vốn từ ngân sách chiếm khoảng 21% tổng vốn đầu tư xã hội được sử dụng đầu tư cho xây dựng cơ bản, hạ tầng kinh tế xã hội và các công trình công cộng không có khả năng thu hồi vốn; nguồn vốn tín dụng đầu tư chiếm khoảng 6% tổng số vốn đầu tư và được sử dụng tập trung cho các dự án sản xuất kinh doanh theo hướng ưu tiên của kế hoạch Nhà nước và dự án công trình công cộng có khả năng thu hồi vốn như bưu điện, bưu chính viễn thông... Vốn của doanh nghiệp Nhà nước đầu tư chiếm trên 13% tổng số vốn đầu tư. Từng bước điều chỉnh mối quan hệ giữa Nhà nước và doanh nghiệp Nhà nước một cách hợp lý hơn, nâng cao tính chủ động của doanh nghiệp Nhà nước trong sản xuất kinh doanh.

Nguồn vốn của tư nhân bao gồm tích lũy của các doanh nghiệp tư nhân và tiết kiệm của dân cư. Nguồn vốn này chủ yếu để đầu tư sản xuất kinh doanh với mục đích lợi nhuận. Thời gian qua nguồn vốn này chiếm khoảng trên 30% tổng vốn và góp phần rất quan trọng vào việc tăng trưởng kinh tế và ổn định đời sống dân cư, nhất là tạo công ăn việc làm cho cả nông thôn và thành thị.

3.2. Nguồn vốn huy động từ nước ngoài.

Đây là nguồn vốn có vai trò quan trọng, đặc biệt đối với những nước đang phát triển, còn đang ở trong tình trạng thiếu vốn gay gắt. Nhờ có nguồn vốn này tạo nên một động lực lớn giúp các nước này giải quyết được những vấn đề kinh tế xã hội to lớn, nâng cao năng lực công nghệ và khả năng lao động... nhanh chóng công nghiệp hoá hiện đại hoá đa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển. Vốn đầu tư nước ngoài được chia thành: Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI: Foreign direct Investment) và nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài (ODA: Official Development Assistance).

Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):

Đầu tư nước ngoài là sự chuyển dịch tài sản như vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý... từ nước này sang nước khác để kinh doanh nhằm thu lợi nhuận cao trên phạm vi toàn cầu .

Đầu tư trực tiếp : nhà đầu tư bỏ vốn và trực tiếp quản lý vốn

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có nhiều nguồn khác nhau: vốn của chính phủ, các tổ chức quốc tế, vốn của tư nhân bao gồm vốn của người nước ngoài hay của người Việt Nam ở nước ngoài.

Mục đích của đầu tư nước ngoài là thu về lợi nhuận do vậy đầu tư trực tiếp nước ngoài chỉ đầu tư vào những lĩnh vực mang lại lợi nhuận cao, thời gian hoàn vốn nhanh, những lĩnh vực ít rủi ro. Bởi vậy nước tiếp nhận đầu tư nếu không biết điều chỉnh sẽ làm ảnh hưởng đến cơ cấu đầu tư và cơ cấu kinh tế.

Nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài (vốn ODA).

Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA (Official Development Assistance, viết tắt là ODA) được ngân hàng thế giới định nghĩa: "ODA là khoản viện trợ không hoàn lại, có hoàn lại, hoặc tín dụng ưu đãi của các tổ chức Chính phủ, dành cho các nước đang và chậm phát triển".

ODA bao gồm: ODA không hoàn lại và ODA cho vay ưu đãi có yếu tố không hoàn lại đạt ít nhất 25% giá trị khoản vay.

Thời gian vay nợ khá dài thường từ 30 - 40 năm (kể cả thời gian ân hạn). Ngoài khoản viện trợ không hoàn lại thì nguồn vốn cho vay với lãi suất thấp (0-5% /năm).

Mục tiêu tổng quát là hỗ trợ các nước nghèo thực hiện chương trình phát triển và tăng phúc lợi của mình. Tuy nhiên tính ưu đãi thường kèm theo các điều kiện ràng buộc tương đối khắt khe như tính hiệu quả của dự án, thủ tục chuyển giao vốn và thanh toán... Đôi khi ODA được cung cấp từ Chính phủ còn gắn với những ràng buộc về mặt chính trị, xã hội thậm chí cả về quân sự.

Ngoài ra cũng cần nhấn mạnh rằng ODA là nguồn vốn vay nợ nước ngoài mà nước đi vay phải thanh toán trong một thời gian nhất định. Chính vì vậy cần phải xem xét dự án viện trợ trong điều kiện tài chính tổng thể nếu không việc tiếp nhận viện trợ sẽ trở thành gánh nặng nợ nần lâu dài đối với mỗi quốc gia.

II. Vai trò và nhân tố ảnh hưởng đến nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

1. Vai trò.

Chuyển giao công nghệ :

Đa số các nhà đầu tư nước ngoài có công nghệ tiên tiến. Họ có thể sẵn sàng chuyển giao công nghệ đó cho chủ nhà nếu chuyên gia địa phương có thể tiếp cận công nghệ sau khi huấn luyện.

Tạo công ăn việc làm :

Hoạt động của các nhà đầu tư nước ngoài có thể tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động địa phương, đặc biệt là các ngành sử dụng nhiều lao động giản đơn như dệt may, da giày...

Kích thích các doanh nghiệp địa phương:

Sự có mặt của các nhà đầu tư nước ngoài sẽ kích thích các doanh nghiệp địa phương tham gia mạnh mẽ vào việc cung cấp nguyên vật liệu, các linh kiện rời và các dịch vụ cho họ...

Kinh nghiệm quản lý :

Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ mang theo kinh nghiệm quản lý và cách thức điều hành hoạt động của một doanh nghiệp. Việc cử người đi làm việc ở nước ngoài sẽ rất tốn kém, do đó các công ty này thường huấn luyện người địa phương thành các nhà quản trị tại chỗ nhằm bổ sung vào đội ngũ quản trị của họ.

2. Các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư nước ngoài.

Môi trường đầu tư nước ngoài là tổng hòa các yếu tố có ảnh hưởng đến công cuộc đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài ở nước nhận đầu tư. Nó bao gồm các yếu tố: tình hình chính trị, chính sách-pháp luật, vị trí địa lí-điều kiện tự nhiên, trình độ kinh tế,

đặc điểm văn hóa-xã hội. Các nhóm yếu tố này có thể làm tăng khả năng sinh lãi hoặc rủi ro cho các nhà đầu tư.

Tình hình chính trị:

Tình hình ổn định chính trị của nước tiếp nhận đầu tư là cơ sở quan trọng hàng đầu để thực hiện các cam kết bảo đảm an toàn sở hữu tài sản và các khuyến khích đầu tư cho các nhà đầu tư nước ngoài. Mặt khác, sự ổn định chính trị còn là tiền đề cần thiết để ổn định tình hình kinh tế xã hội, nhờ đó giảm được rủi ro cho các nhà đầu tư. Một nước không thể thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài nếu tình hình chính trị luôn luôn mất ổn định.

Chính sách pháp luật:

Các nhà đầu tư nước ngoài rất cần một môi trường pháp lý hợp lý và ổn định của nước chủ nhà. Môi trường này gồm những chính sách, qui định đối với đầu tư nước ngoài và tính hiệu lực của chúng trong thực hiện. Đây là những căn cứ pháp lý quan trọng không chỉ để đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài mà còn cho chính các nhà đầu tư trong nước khi tính toán đến làm ăn lâu dài.

Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên:

Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên thuận lợi sẽ giảm được các chi phí vận chuyển, đa dạng hóa các lĩnh vực đầu tư, cung cấp được nguồn nguyên liệu đầu vào phong phú với giá rẻ và tiềm năng tiêu thụ lớn. Những yếu tố này không những làm giảm được giá thành sản phẩm mà còn thu hút được các nhà đầu tư tìm kiếm nguyên liệu tự nhiên và thị trường tiêu thụ.

Trình độ phát triển kinh tế:

Trình độ phát triển kinh tế là các mức độ phát triển về quản lý kinh tế vĩ mô, cơ sở hạ tầng, chất lượng cung cấp dịch vụ cho các hoạt động kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài và mức độ cạnh tranh của thị trường nước chủ nhà. Những nước có trình độ quản lý vĩ mô kém thường dẫn đến tình trạng lạm phát cao, nợ nước ngoài lớn, tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp, các thủ tục hành chính rườm rà, nạn tham nhũng ... Cơ sở hạ tầng cứng bao gồm các yếu tố như sân bay, cảng biển, giao thông, điện lực, viễn thông, còn cơ sở hạ tầng mềm bao gồm chất lượng lao động, dịch vụ công nghệ, hệ thống tài chính. Sự phát triển của cơ sở hạ tầng và dịch vụ sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi và giảm chi phí phát sinh cho các hoạt động đầu tư.

Đặc điểm văn hóa xã hội:

Đặc điểm phát triển văn hóa-xã hội của nước chủ nhà được coi là hấp dẫn đầu tư nước ngoài nếu có trình độ giáo dục cao và nhiều sự tương đồng về ngôn ngữ, tôn giáo, các phong tục tập quán đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Các đặc điểm này không chỉ giảm được chi phí đào tạo nguồn nhân lực cho các nhà đầu tư nước ngoài mà còn tạo điều kiện cho họ hòa nhập vào cộng đồng nước sở tại.

III. Các hình thức đầu tư nước ngoài (ODA và FDI).

1. ODA.

1.1. Khái niệm.

ODA bao gồm các khoản viện trợ không hoàn lại, viện trợ có hoàn lại, hoặc ưu đãi của các chính phủ, các tổ chức liên chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức thuộc hệ thống liên hợp quốc, các tổ chức tài chính quốc tế dành cho các nước đang và chậm phát triển.

1.2. Đặc điểm.

Vốn ODA mang tính ưu đãi : Vốn ODA có thời gian cho vay dài, có thời gian ân hạn dài. Đây cũng chính là một sự ưu đãi dành cho các nước vay vốn. Vốn ODA của WB.ADB. Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản- Japan Bank for international Cooperation JBIC , có thời gian hoàn trả là 40 năm và thời gian ân hạn là 10 năm.

Vốn ODA mang tính ràng buộc :

ODA có thể ràng buộc nước nhận về địa điểm chi tiêu. Ngoài ra, mỗi nước cung cấp viện trợ cũng đều có những ràng buộc khác và nhiều khi các ràng buộc này rất chặt chẽ với nước nhận.

ODA là vốn có khả năng gây nợ :

Khi tiếp nhận sử dụng vốn ODA do tính chất ưu đãi nên gánh nợ nần thường chưa xuất hiện. Một số nước do sử dụng không hiệu quả ODA, có thể tạo nên sự tăng trưởng nhất thời, nhưng sau một thời gian lại lâm vào vòng nợ nần do không có khả năng trả nợ. Sự phức tạp chính là ở chỗ vốn ODA không có khả năng đầu tư trực tiếp cho sản xuất, nhất là cho xuất khẩu trong khi việc trả nợ lại dựa vào xuất khẩu thu ngoại tệ. Do đó trong khi hoạch định chính sách sử dụng ODA phải phối hợp với các loại nguồn vốn để tăng cường sức mạnh kinh tế và khả năng xuất khẩu.

1.1.1.3. Phân loại ODA

* Theo tính chất:

Viện trợ không hoàn lại: Các khoản cho không, không phải trả lại.

Viện trợ có hoàn lại: Các khoản vay ưu đãi (tín dụng với điều kiện mềm)

- Viện trợ hỗn hợp: Gồm một phần cho không, phần còn lại thực hiện theo hình thức tín dụng (có thể là ưu đãi hoặc thương mại).

* Theo mục đích

- Hỗ trợ cơ bản: Là những nguồn lực được cung cấp để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội và môi trường. Đây thường là những khoản cho vay ưu đãi.

- Hỗ trợ kỹ thuật: Là những nguồn lực doanh nghiệp dành cho chuyển giao tri thức, công nghệ, xây dựng năng lực, tiến hành nghiên cứu cơ bản hay nghiên cứu tiền đầu tư. Phát triển thể chế và nguồn nhân lực... loại hỗ trợ chủ yếu là viện trợ không hoàn lại.

* Theo điều kiện:

- ODA không ràng buộc nước nhận: việc sử dụng nguồn tài trợ không bị ràng buộc bởi nguồn sử dụng hay mục đích sử dụng.

- ODA có ràng buộc nước nhận

- Bồi nguồn sử dụng: Có nghĩa là việc mua sắm hàng hoá. Trang thiết bị hay dịch vụ bằng nguồn vốn ODA chỉ giới hạn cho một số công ty do nước tài trợ sở hữu hoặc kiểm soát (đối với viện trợ song phương) hoặc các công ty của các nước thành viên (đối với viện trợ đa phương).

Bồi mục đích sử dụng: Chỉ được sử dụng cho một số lĩnh vực nhất định hoặc một số dự án cụ thể:

- ODA có thể ràng buộc một phần: Một phần chi ở nước viện trợ, phần còn lại chi ở bất cứ nơi nào.

* Theo đối tượng sử dụng:

Hỗ trợ dự án; Là hình thức chủ yếu của ODA để thực hiện các dự án cụ thể. Nó có thể là hỗ trợ cơ bản hoặc hỗ trợ kỹ thuật, có thể là cho không hoặc cho vay ưu đãi.

- Hỗ trợ phi dự án: Bao gồm các loại hình như sau:

- Hỗ trợ cán cân thanh toán thường là hỗ trợ tài chính trực tiếp (chuyển giao tiền tệ) hoặc hỗ trợ hàng hoá hỗ trợ qua nhập khẩu. Ngoại tệ hoặc hàng hoá được chuyển qua hình thức này có thể được sử dụng để hỗ trợ ngân sách.

Hỗ trợ trả nợ

Viện trợ chương trình: là khoản ODA dành cho một mục đích tổng quát với thời gian nhất định mà không phải xác định một cách chính xác nó sẽ được sử dụng như thế nào.

2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

2.1. khái niệm : Là một loại hình di chuyển vốn quốc tế, trong đó người chủ sở hữu vốn đồng thời là người trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động sử dụng vốn. Sự ra đời và phát triển của đầu tư trực tiếp nước ngoài là kết quả tất yếu của quá trình quốc tế hóa và phân công lao động quốc tế.

2.2 Đặc điểm.

Một là: các chủ đầu tư phải góp một số vốn tối thiểu vào vốn pháp định, tùy theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, khi liên doanh, số vốn góp của bên nước ngoài phải lớn hơn hoặc bằng 30% vốn pháp định.

Hai là: quyền quản lý xí nghiệp phụ thuộc vào mức độ góp vốn. Đối với doanh nghiệp liên doanh và hợp đồng hợp tác kinh doanh thì quyền quản lý doanh nghiệp và quản lý đối tượng hợp tác tùy thuộc vào mức góp vốn của các bên tham gia, còn đối với doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài thì người nước ngoài toàn quyền quản lý doanh nghiệp.

Ba là: lợi nhuận của nhà đầu tư nước ngoài phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

Bốn là: đầu tư trực tiếp nước ngoài được thực hiện thông qua việc xây dựng doanh nghiệp mới, mua lại toàn bộ hoặc từng phần doanh nghiệp đang hoạt động hoặc sát nhập các doanh nghiệp với nhau.

Năm là: đầu tư trực tiếp nước ngoài không chỉ gắn với di chuyển vốn mà còn gắn với chuyển giao công nghệ, chuyển giao kiến thức và kinh nghiệm quản lý và tạo ra thị trường mới cho cả phía đầu tư và phía nhận đầu tư.

Sáu là: đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện nay gắn liền với các hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty đa quốc gia.

1.3. Phân loại.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài có thể được phân chia theo nhiều tiêu thức khác nhau. Nếu căn cứ vào tính pháp lý của đầu tư trực tiếp nước ngoài có thể chia FDI thành các loại:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh, doanh nghiệp liên doanh doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Ngoài ra còn có thêm các hình thức đầu tư khác đó là hợp đồng xây dựng kinh doanh - chuyển giao (BOT), xây dựng - chuyển giao kinh doanh (BTO) xây dựng chuyển giao (BT). Trong các hình thức trên thì doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là hình thức pháp nhân mới và luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam gọi chung là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Nếu căn cứ vào tính chất đầu tư có thể chia đầu tư trực tiếp nước ngoài thành hai loại: đầu tư tập trung trong khu công nghiệp khu chế xuất và đầu tư phân tán. Mỗi loại đầu tư có ảnh hưởng tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế cơ cấu công nghiệp của từng quốc gia.

Nếu căn cứ vào quá trình tái sản xuất có thể chia đầu tư trực tiếp nước ngoài thành đầu tư vào nghiên cứu và triển khai, đầu tư vào cung ứng nguyên liệu, đầu tư vào sản xuất, đầu tư vào tiêu thụ sản phẩm...

Theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các hình thức đầu tư nước ngoài vào Việt Nam gồm bốn hình thức sau:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh
- Doanh nghiệp liên doanh
- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài
- BOT

Chương II. Thực trạng thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 1999-2003.

I. Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của Cao Bằng có ảnh hưởng đến việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Cao Bằng là một tỉnh vùng cao biên giới phía đông bắc nước Việt Nam. Nhân dân các dân tộc giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, Cao Bằng là miền đất địa đầu Tổ quốc, có từ thời kỳ Thục Phán An Dương Vương thế kỷ II trước công nguyên. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, Tỉnh Cao Bằng đã có một bề dày truyền thống lịch sử và văn hoá rất đáng tự hào và trân trọng. Lịch sử truyền thống của Cao Bằng gắn liền lịch sử truyền thống dân tộc Việt Nam từ những ngày đầu dựng nước và giữ nước. Cuộc chiến đấu đầu tiên của nhân dân Âu Lạc bảo vệ Tổ Quốc, trong đó có nhân dân Cao Bằng chống quân xâm lược nhà Tần do Thục Phán đứng đầu dành thắng lợi.

Ngày nay nhân dân các dân tộc Cao Bằng đang cùng nhau thực hiện Di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Bác mong tỉnh Cao Bằng sớm trở thành một trong những tỉnh gương mẫu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, nh trước đây Cao Bằng là một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc".

Sau hơn 10 năm đổi mới, nền kinh tế của tỉnh tiếp tục phát triển và tăng trưởng khá, GDP tăng bình quân 9-10%/ năm; nhng nhìn chung kinh tế của tỉnh so với mặt bằng chung của cả nước còn thấp. Trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, để thực hiện sự nghiệp CNH-HDH, Cao Bằng cần tận dụng mọi khả năng và nguồn lực sẵn có để hoà nhập vào tiến trình phát triển của cả nước; do đó Cao Bằng rất cần sự hợp tác, giúp đỡ của Chính phủ, các bộ ngành, các tổ chức trong và ngoài nước.

1. Điều kiện tự nhiên.

Cao Bằng có tiềm năng về đất đai, khí hậu để phát triển các trang trại, vùng cây ăn quả, cây công nghiệp, cây dược liệu. Cao Bằng có thể mạnh và những đặc sản độc đáo nh: Hạt dẻ, lê, cam quýt, hồng, thuốc lá sợi vàng, đậu tọng, chè đắng trúc sào, hồi...

Thiên nhiên cũng ưu đãi cho Cao Bằng một nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng như: Quặng sắt; quặng mangan, quặng thiếc, quặng bô xít, ngoài ra còn có kẽm, niken, vàng, ăngtimon, quặng uranium..., có điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp khoáng sản. đặc biệt sản phẩm gang đúc của Cao Bằng đã được trao Huy chương vàng tại Hội chợ triển lãm " Hàng Công nghiệp Việt Nam" năm 2000.

Cao Bằng có cửa khẩu quốc gia Tà Lùng, Hùng Quốc và Sóc Hà rất thuận lợi cho giao lưu, buôn bán với nước bạn Trung Quốc. Tiềm năng du lịch Cao Bằng rất phong phú và đa dạng; Cao Bằng nổi tiếng với nhiều di tích lịch sử nh Pác Bó, Khu rừng Trần Hưng đạo, di tích Chiến thắng đông Khê, Thành Nà lữ..., cùng với những danh lam thắng cảnh tuyệt đẹp nh Thác Bản Giốc, động Ngồn Ngao, Hồ Thang Hen và nhiều lễ hội văn hoá truyền thống đặc sắc của các dân tộc, tất cả đã tạo nên một tiềm năng lớn để phát triển ngành du lịch Cao Bằng.

Cơ sở hạ tầng ngày càng được quan tâm phát triển; thông tin liên lạc thuận tiện nhanh chóng; điện lưới quốc gia đã đến các huyện thị trong tỉnh; các tuyến đường trong tỉnh được đầu tư nâng cấp. Một số cơ sở công nghiệp hoạt động đạt kết quả như: Xí nghiệp Luyện gang; Nhà máy đường, Nhà máy gạch Tuy Nén; Nhà máy Xi Măng..., đã hình thành một số vùng sản xuất hàng hoá tập trung như vùng nguyên liệu mía, vùng thuốc lá, vùng trồng trúc...

Cao Bằng tuy có tiềm năng và lợi thế để phát triển KT-XH nhng do là tỉnh miền núi, xa các trung tâm kinh tế lớn của đất nước, nền kinh tế được xây dựng từ xuất phát điểm rất thấp so với các tỉnh; do đó để tạo thêm nguồn lực cho sự phát triển Cao Bằng cần mở rộng, chào đón các nhà đầu tư, các nhà tài trợ trong và ngoài nước đến với Cao Bằng và tạo mọi điều kiện ưu đãi trên cơ sở bình đẳng, hợp tác hữu nghị, cùng phát triển.

2. Vị trí địa lí.

Cao Bằng là một tỉnh miền núi nằm ở phía Đông bắc nước ta. Hai mặt bắc và đông bắc giáp với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), có đường biên giới dài 311 km. Phía Tây giáp với hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang. Phía nam giáp hai tỉnh Bắc Kạn và Lạng Sơn. Theo chiều bắc - nam 80 km, từ 23007'12" - 22021'21" vĩ bắc (tính từ xã Trọng Con huyện Thạch An đến xã Đức Hạnh huyện Bảo Lâm). Theo chiều đông - tây 170 km, từ 105016'15" - 106050'25" kinh đông (tính từ xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm đến xã Lý Quốc, huyện Hạ Lang).

Cao Bằng có diện tích đất tự nhiên 6.690,72 km², là cao nguyên đá vôi xen lẫn núi đất, có độ cao trung bình trên dới 200 m, vùng sát biên có độ cao từ 600 - 1.300 m so với mặt nước biển. Núi non trùng điệp. Rừng núi chiếm hơn 90% diện tích toàn tỉnh. Hình thành 3 vùng rõ rệt: Miền đông có nhiều núi đá, miền tây núi đất xen núi đá, miền tây nam phần lớn là núi đất có nhiều rừng rậm.

Địa hình của tỉnh tương đối phức tạp vì vậy giao thông giữa các huyện trong tỉnh bị hạn chế. Cao Bằng có khí hậu ôn đới. Một năm có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Nhiệt độ trung bình mùa hè là 25 -28 độ C, mùa đông là 16 – 17độ C. Một số vùng núi cao như Trùng Khánh, Trà Lĩnh về mùa đông có tuyết rơi.

Nhìn chung khí hậu Cao Bằng mát mẻ quanh năm lại có nhiều núi cao, phong cảnh thiên nhiên hữu tình rất thích hợp cho việc nghỉ ngơi, du lịch. Từ Hà Nội theo quốc lộ 3 đến thị xã Cao Bằng khoảng 272 km .

3. Dân số và lao động.

Toàn tỉnh Cao Bằng có 12 huyện thị và có 189 xã, phường thị trấn. : Bảo Lạc, Hà Quảng, Thông Nông, Trà Lĩnh, Trùng khánh, Nguyên Bình, Hòa An, Quảng Hòa, Hạ Lang, Thạch An.

Bao gồm các Dân tộc: Tày, Nùng, Dao, Mông, Việt (Kinh), Hoa, Sán Chay...

Dân số: (01/04/1999): 491.055 người.

II. Thực trạng thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 1999 – 2003.

1. Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh thời kỳ 1999-2003.

Bảng 1: tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh (1999-2003).

đơn vị: tỷ đồng.

	1999	2000	2001	2002	2003
TVĐT của tỉnh	209.2	185.5	238.5	428.9	441
TVĐT nước ngoài	52	38	106.1	54	193.5
trong đó					
ODA	52	38	98.6	54	85
FDI			7.5		108.5
Tỷ trọng VĐTNN/TVĐT	24.85	20.49	44.49	12.59	43.88
Tỷ trọng vốn ODA/VĐTNN	100	100	92.93	100	43.93
Tỷ trọng vốn FDI/VĐTNN	0	0	7.07	0	56.07

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư Cao Bằng.

Bảng 2: Tốc độ tăng trưởng của vốn đầu tư nước ngoài vào tỉnh Cao Bằng thời kỳ 1999-2003.

	1999	2000	2001	2002	2003
Tổng VĐTNN	100	73.1	279.2	50.9	358.3
ODA	100	73.1	259.5	54.8	157.4

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư Cao Bằng.

2. Tình hình thu hút vốn đầu tư FDI của tỉnh.

Năm 2001, tỉnh đã cấp giấy phép đầu tư cho dự án “ Công ty KOHKL Việt Nam “, 100% vốn Nước ngoài, sản xuất nấm xuất khẩu, với số vốn 500.000 USD.

Đến ngày 1/9/2003 Bộ kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép đầu tư cho công ty liên doanh Minh Châu Cao Bằng, kinh doanh trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng, vui chơi, giải trí có thương hiệu tại cửa khẩu Tà Lùng, huyện Phục Hòa với số vốn đầu tư trên 7 triệu USD, hiện nay đang thực hiện dự án.

3. Tình hình thu hút vốn đầu tư ODA của tỉnh.

Tình hình thực hiện oda giai đoạn 1993- 2003 và định hướng sử dụng oda tới năm 2010

3.1. Khái quát tình hình vận động và thu hút ODA của Cao Bằng.

Việc thu hút nguồn vốn ODA tại Cao Bằng chỉ thực sự bắt đầu từ năm 1995 bằng nguồn vốn OECF Nhật Bản (nay là vốn JBIC) đầu tư cho khôi phục đường giao thông. Nguồn vốn này tiếp tục được khai thác đầu tư cho các lĩnh vực giao thông và phát triển lưới điện. Bên cạnh đó các nguồn ODA khác cũng dần được khai thông cả về số lượng dự

án và qui mô. Đó là dự án phát triển nông thôn Cao Bằng- Bắc Cạn, sử dụng viện trợ không hoàn lại của EU; Các tiểu dự án ngành cơ sở hạ tầng nông thôn vốn ADB và

AFD; Dự án phát triển các trường tiểu học miền núi phía Bắc, sử dụng viện trợ không hoàn lại của chính phủ Nhật bản.

Những nguồn vốn ODA này là rất quan trọng đối với Cao Bằng trong việc bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế- xã hội tại địa phương, điều này còn đặc biệt có ý nghĩa đối với Cao Bằng một tỉnh còn rất nghèo trong cả nước.

3.2. Tình hình thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Dự án cơ sở hạ tầng nông thôn (vốn ADB và AFI): Thời gian thực hiện 1998-2003, tổng vốn 85 tỷ đồng. Đến nay đã thực hiện được khoảng 65 tỷ đồng. Dự án đầu tư cho các lĩnh vực thủy lợi, cấp nước sinh hoạt và giao thông nông thôn.

Dự án ngành cơ sở hạ tầng nông thôn Cao Bằng được chia làm 3 giai đoạn

- Giai đoạn I: Tổng vốn đầu tư là 38,5 tỷ đồng

- Giai đoạn II: Tổng vốn đầu tư là 38,1 tỷ đồng

- Giai đoạn III: Sau khi triển khai thực hiện giai đoạn I và II. Vốn kết dư còn lại

Dự án phát triển Nông thôn Cao Bằng- Bắc Cạn (EU): Dự án do liên minh Châu Âu viện trợ không hoàn lại cho 2 tỉnh Cao Bằng và Bắc Cạn với số vốn 19,5 triệu EURO, trong đó Cao Bằng được hưởng 2/3 tổng số vốn. Dự án bắt đầu thực hiện từ năm 1999 và sẽ kết thúc năm 2004. Dự án gồm 5 hợp phần: Khuyến nông; phát triển nông nghiệp; giao thông nông thôn; thủy lợi và cấp nước sinh hoạt nông thôn.

Phát triển lưới điện nông thôn đầu tư bằng nguồn vốn OECF Nhật Bản (nay là vốn JBIC), với số vốn là 7,95 tỷ đồng, thực hiện các dự án từ năm 1998- 2002

Nguồn vốn JBIC tài khóa 2000 (15 tỷ đồng): đầu tư cho các dự án giao thông và điện. Tỉnh đã tiếp tục xây dựng các dự án đăng ký sử dụng vốn JBIC và được JBIC chấp nhận 54, 502 tỷ đồng cho các dự án điện và giao thông (theo hiệp định ký kết giữa 2 Chính phủ ngày 31/3/2003).

Nguồn vốn phi dự án Nhật Bản: Năm 2002 được ghi chỉ tiêu 8 tỷ đồng cho dự án Giao thông

Dự án cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Cao Bằng: Từ năm 1997 đến 1999 đã thực hiện xong, công suất 12.000m³/ngày đêm, sử dụng ODA Pháp, với số vốn 17 triệu Fran Pháp.

Dự án hỗ trợ y tế quốc gia (WB): Do Bộ Y Tế làm chủ quản đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực y tế, thực hiện từ 1999 đến 2003, với tổng mức đầu tư trên 36 tỷ đồng.

Cao Bằng cũng được hưởng thụ dự án vốn WB từ năm 2001 do Công ty Điện lực 1 làm chủ đầu tư.

Ngoài ra còn có các dự án đang thực hiện nguồn vốn ODA trên địa bàn tỉnh như sau :

Năm 2003: Bộ tài chính thông báo tỉnh Cao Bằng được sử dụng ODA ITALYA 380.000 EURO cho thiết bị cấp nước.

Tỉnh Cao Bằng đã được chính phủ phê duyệt vào danh mục sử dụng vốn ODA Phần Lan, dự kiến vốn ODA là 3,5 triệu USD đầu tư cho trang thiết bị y tế.

Tỉnh Cao Bằng đã đăng ký sử dụng ODA Đức cho chương trình phòng chống HIV-AIDS ngày 7/5/2003.

Năm 2000-2001 tỉnh Cao Bằng được thụ hưởng dự án hỗ trợ các trường tiêu học miền núi phía Bắc, sử dụng viện trợ không hoàn lại của chính phủ Nhật Bản cho 17 điểm trường, với tổng sơ vốn hơn 54,75 tỷ đồng.

Tổng cộng từ các doanh nghiệp: Hiện nay trên địa bàn tỉnh các doanh nghiệp đã tham gia tích cực vào phát triển sản xuất và cải thiện cơ sở hạ tầng. Do đó trong những năm tới cần vận động các doanh nghiệp đóng góp vốn để phát triển sản xuất kinh doanh cải thiện cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên việc huy động phải linh hoạt phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng doanh nghiệp bằng cách tổ chức liên doanh kết nghĩa doanh nghiệp với huyện tỉnh để đầu tư phát triển một số lĩnh vực tỉnh, huyện đang cần đầu tư.

4. Đánh giá tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại Cao Bằng giai đoạn 1999-2003.

4.1. Kết quả đạt được.

Đầu tư đầu tư nước ngoài thời gian qua đã đóng góp ngày càng lớn vào tăng trưởng kinh tế, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá và mở rộng thị trường của tỉnh. Thu hút được nhiều lao động và không ngừng tăng thu cho ngân sách, nâng cao trình độ công nghệ, tạo điều kiện tiếp thu kinh nghiệm quản lý, sử dụng công nghệ hiện đại, nâng cao mức sống dân cư.

Nhiều công trình, chương trình trọng điểm của tỉnh được thực hiện tốt, đặc biệt tạo ra một không khí sôi động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, số dự án tăng nhanh qua các năm, các doanh nghiệp mạnh dạn bỏ vốn ra để kinh doanh, đầu tư công nghệ vào sản xuất.

Sự có mặt của các nhà đầu tư nước ngoài đã làm sống động môi trường đầu tư của tỉnh. Nhiều dự án đã và đang đi vào hoạt động mang lại những hiệu quả thiết thực, góp phần phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân, giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.

Những thành quả trên là kết quả của sự nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dân tỉnh Cao Bằng trong việc cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh nhằm thu hút ngày một nhiều hơn đầu tư nước ngoài vào tỉnh. Những nỗ lực đáng được ghi nhận có thể kể ra đó là:

Tỉnh đã ban hành Quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA trên địa bàn.

Tỉnh đã chủ động đẩy mạnh việc vận động ODA.

Đã phê duyệt Quy trình cấp, điều chỉnh, bổ sung giấy phép đầu tư cho các dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

4.2. Tồn tại.

Muốn thực hiện đầu tư trực tiếp nước ngoài vào một tỉnh nào đó, nơi nhận đầu tư phải có các điều kiện tối thiểu như : cơ sở hạ tầng đủ đảm bảo các điều kiện cần thiết cho hoạt động sản xuất và hình thành một số ngành dịch vụ phụ vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống. Chính vì vậy, các nước phát triển, các doanh nghiệp ngoài nước thường chọn nước nào, khu vực nào, tỉnh nào có điều kiện kinh tế tương đối phát triển hơn để đầu tư trước. Còn khi đầu tư vào các nước, tỉnh lạc hậu, chưa có điều kiện tối thiểu cho việc tiếp nhận đầu tư cũng phải dành một phần vốn cho việc xây dựng hệ thống cơ sở

Do vị trí địa lý, điều kiện địa hình tự nhiên và giao thông bất lợi so với các tỉnh bạn nên đã ảnh hưởng tới thu hút vốn đầu tư nước ngoài, thu hút vốn FDI còn gặp nhiều khó khăn, mặc dù luật đầu tư nước ngoài dành nhiều ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh nhưng vẫn chưa đủ sức thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Cao Bằng, các ưu đãi chưa đủ hấp dẫn cho các nhà đầu tư.

Đầu tư nước ngoài vào Cao Bằng trong thời gian qua vẫn chủ yếu là các dự án hỗ trợ phát triển ODA, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh vẫn rất khiêm tốn, tới năm 2001 mới có một dự án được cấp giấy phép và tới năm 2003 mới được thêm một dự án.

Chương III. Định hướng và một số giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2005 – 2010.

I. Định hướng thu hút và sử dụng nguồn đầu tư nước ngoài cho giai đoạn 2006-2010 tại Cao Bằng.

1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo.

Tiếp tục duy trì phương hướng phát triển KT-XH theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo mọi điều kiện chuyển dịch nhanh nền kinh tế với cơ cấu nhiều thành phần. Chủ động vươn lên phát huy đầy đủ và khai thác triệt để những nguồn nội lực như tiềm năng đất đai nông lâm nghiệp, tài nguyên rừng, khoáng sản, cửa khẩu, lao động, truyền thống và cơ sở kỹ thuật, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế có hiệu quả để nhanh chóng hòa nhập vào quá trình phát triển chung của vùng đông bắc và cả nước, tránh tụt hậu xa về kinh tế. Có chương trình hội nhập kinh tế khu vực, nhất là khu vực mậu dịch tự do ASEAN Trung Quốc.

Đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới toàn diện mà trước hết là nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch . . .

Phát triển kinh tế phải gắn với giải quyết tốt vấn đề xã hội, tăng cường an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường.

Từ 2000 đến 2010 cần tập trung đầu tư để tạo bước chuyển biến tích cực. Tạo ra những tiền đề cho các năm tiếp theo phát triển nhanh hơn. Trước hết tập trung nâng cấp các trục giao thông chính và phát triển giao thông nông thôn, cấp nước, điện, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục. . .

- Nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe nhân dân để thực hiện phát triển nhanh kinh tế xã hội.

2. Kế hoạch huy động và thực hiện vốn đầu tư nước ngoài cho giai đoạn 2006-2010.

Tổng mức đầu tư cần thiết để đạt mục tiêu:

Qua tính toán, để đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế mỗi năm tăng trên 10% giai đoạn 2006-2010, nhu cầu cần khoảng 3.500 tỷ đồng.

Trong đó:

Nhu cầu cho lĩnh vực công nghiệp- XD-GTVT khoảng: 1.383 tỷ đồng.

Nhu cầu cho lĩnh vực nông nghiệp. khoảng : 752 tỷ

Nhu cầu cho lĩnh vực dịch vụ khoảng 1365 tỷ

Nguồn huy động đầu tư : Để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư phát triển, ngoài việc tăng cường tích lũy từ nội bộ kinh tế xong còn phải chủ trương biện pháp huy động hữu hiệu từ các nguồn đầu tư nước ngoài ODA và FDI.

II. Một số giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (2005-2010).

Ngày nay, việc huy động vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ đã và đang trở thành một phương thức hữu hiệu nhất, một yếu tố quan trọng nhất trong cơ cấu ngân sách phát triển, một hình thức quan trọng và phổ biến trong mối quan hệ kinh tế quốc tế...

Hoạt động đầu tư nước ngoài ở Cao Bằng đã có nhiều đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong thời gian qua song có thể nói, cho đến nay hoạt động này vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Các giải pháp đề ra là nhằm tháo gỡ những khó khăn tồn tại cho cơ chế đầu tư, tiếp tục khuyến khích mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước mạnh dạn hơn nữa bỏ vốn ra đầu tư. Các giải pháp một mặt phải dựa trên cơ sở pháp luật, chính sách, quy định của Nhà nước, mặt khác phải vận dụng vào điều kiện, tình hình cụ thể của Cao Bằng. Do vậy, để tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài cần thực hiện một số giải pháp theo hướng sau đây:

Thứ nhất, xây dựng chiến lược đầu tư và cụ thể hoá cơ chế chính sách trên cơ sở chính sách và pháp luật của Nhà nước nhằm đưa ra những cơ chế chính sách sát thực phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và có tính khả thi cao để tạo ra hành lang pháp lý và môi trường thông thoáng thúc đẩy phát huy nội lực từ bên trong và tăng cường hấp dẫn đầu tư từ bên ngoài.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện cải cách thủ tục hành chính để dự án nhanh đi vào thực tiễn bằng việc xây dựng hoàn chỉnh hệ thống các quy trình thủ tục, thiết lập cơ chế phối hợp và cơ chế "một cửa" liên quan đến công tác quản lý dự án đầu tư trong đó đặc biệt chú trọng đến khâu thụ lý hồ sơ dự án cấp giấy phép cho các dự án đầu tư nước ngoài.

Thứ ba, từng bước thực hiện việc đầu tư nâng cấp hoàn thiện cơ sở hạ tầng và dịch vụ, trong đó đặc biệt chú trọng đến hệ thống giao thông trong địa bàn tỉnh, giữa tỉnh với các tỉnh khác và hệ thống giao thông tới các cửa khẩu.

Thứ tư, điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh, khắc phục triệt để những tồn tại, yếu kém trong bố trí cơ cấu đầu tư và điều hành thực hiện.

Thứ năm, nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư

Thứ sáu, một số giải pháp khác.

Các giải pháp cụ thể là:

1. Xây dựng chiến lược đầu tư và cụ thể hoá cơ chế chính sách.

Tỉnh Cao Bằng đã có quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và quy hoạch tổng thể phát triển của các ngành, các cấp nhưng còn thiếu nhiều quy hoạch chi tiết. Cần xác định rõ chiến lược đầu tư và tiến hành lập các dự án quy hoạch chi tiết để đầu tư phát triển. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến quy hoạch vùng nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp, quy hoạch các cụm công nghiệp nhỏ và danh mục các dự án đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, dịch vụ quan trọng mang tính đột phá trong việc cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh Cao Bằng nhằm thu hút các dự án đầu tư nước ngoài.

Việc cụ thể hoá cơ chế chính sách trên cơ sở pháp luật của Nhà nước đầu tư bằng nguồn vốn nước ngoài cần tiến hành với những nội dung chính sau đây:

Thứ nhất, là ban hành cơ chế khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Cao Bằng.

Mục tiêu: Khuyến khích và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh.

Nội dung: Soát xét lại giá cho thuê đất, miễn giảm tiền cho thuê đất trong một vài năm đầu cho một số khu vực ưu tiên đầu tư. Cần áp dụng một số chính sách ưu đãi để tận dụng tối đa diện tích đất cho thuê như giảm giá thuê đất, giá kinh doanh hạ tầng (điện, nước, dịch vụ viễn thông), cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các doanh nghiệp đọc thuận lợi, nhanh chóng... Giải quyết dứt điểm vấn đề đền bù giải phóng mặt bằng gây ách tắc đối với việc triển khai dự án. Cần sớm chấm dứt cơ chế các doanh nghiệp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất, chuyển sang chế độ Nhà nước cho thuê đất.

Bổ sung các chính sách ưu đãi có sức hấp dẫn cao đối với những lĩnh vực, địa bàn và dự án cần thu hút đầu tư nước ngoài như: công nghệ cao, xuất khẩu lớn, đầu tư vào nông thôn miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; nông lâm trồng rừng bảo vệ môi trường; các dự án phát triển hạ tầng xã hội.

Thứ hai, tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án nhanh chóng, đảm bảo tính thời gian, chất lượng và thủ tục đơn giản trong quá trình thẩm định dự án đầu tư nước ngoài.

Thứ ba là cơ chế chính sách vận động viện trợ và gọi vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Mục tiêu: Khuyến khích các ngành, các cấp chủ động và năng động tổ chức vận động viện trợ và khuyến khích các doanh nghiệp năng động tìm kiếm đối tác nước ngoài để hợp tác đầu tư.

Nội dung: Tạo nguồn kinh phí để lập dự án, tổ chức kêu gọi vốn viện trợ tìm kiếm đối tác đầu tư; quy định chế độ ưu đãi khi nhà đầu tư đang thực hiện dự án đầu tư tại tỉnh mà vận động về cho tỉnh thêm dự án đầu tư khác; quy định chế độ đãi ngộ cho người có công vận động được dự án ODA hoặc giới thiệu được đối tác nước ngoài có dự án đầu tư vào tỉnh Cao Bằng.

2. Hoàn thiện cơ chế quản lý hành chính Nhà nước.

Nhằm tạo môi trường thông thoáng trong việc thụ lý hồ sơ dự án trong lĩnh vực thẩm định dự án đầu tư, thẩm định dự án để cấp đăng ký kinh doanh, thẩm định để cấp giấy phép đầu tư, triển khai các thủ tục hành chính để thực hiện dự án. Tỉnh Cao Bằng cần tiếp tục đẩy mạnh chương trình cải cách hành chính với những mục tiêu sau:

- Thiết lập chế độ "một cửa" trong công tác quản lý các dự án và các nguồn vốn đầu tư trong việc giải quyết các thủ tục hành chính từ khâu hình thành dự án đến khâu thực hiện dự án.

- Xây dựng đầy đủ các quy trình quản lý và quy trình thụ lý hồ sơ dự án.

- Tăng cường công tác quản lý đầu tư để nâng cao hiệu quả kinh tế hoạt động đầu tư.

Thứ nhất, là ban hành cơ chế khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Cao Bằng.

Để quy trình quản lý và xử lý công việc đi vào hiện thực và đảm bảo tính thời gian theo quy định và hoàn thành trách nhiệm trong công việc ở từng công đoạn, cần thiết lập chế độ "một cửa" xử lý từng công việc ở từng cơ quan đơn vị. Tránh những thủ tục hành chính rườm rà, phải qua nhiều cửa, nhiều cơ quan để xin làm thủ tục thuê đất, thành lập doanh nghiệp... cũng cần tránh hiện tượng "một cửa" mà lại nhiều "khoá". Yêu cầu chế độ

"một cửa" ở đây là từng cơ quan chức năng liên quan đến từng lĩnh vực cụ thể theo chức năng quản lý của cơ quan mình cần bố trí cán bộ đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn đảm đương nhiệm vụ đầu mối trong cơ quan mình. Đích danh cán bộ là đầu mối chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ công việc, giúp lãnh đạo của mình tổ chức triển khai giải quyết công việc và bàn giao công việc cho các cơ quan liên quan đúng thời hạn quy định.

Thứ hai, là việc xây dựng đầy đủ các quy trình quản lý, thụ lý hồ sơ dự án:

Trên cơ sở các văn bản pháp luật của Nhà nước và các văn bản cụ thể hoá công tác quản lý và phân giao trách nhiệm của tỉnh về đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, từng ngành chức năng và các cấp liên quan tiến hành việc rà soát lại chức năng nhiệm vụ được giao; tiến hành việc xây dựng đầy đủ các quy trình thủ tục hành chính cho việc thực hiện các loại công việc như lập dự án, thẩm định dự án, thẩm định thiết bị công nghệ, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán, cấp đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép đầu tư, cấp chứng chỉ quy hoạch, cấp giấy phép xây dựng, cấp quyền sử dụng đất, đền bù giải phóng mặt bằng và bàn giao đất cho chủ dự án, triển khai các thủ tục hành chính thực hiện dự án đầu tư, giải ngân cấp phát vốn, quyết toán vốn đầu tư, thanh tra kiểm tra cấp giấy phép lao động, giới thiệu nhân sự tham gia quản lý liên doanh. Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc xử lý từng công việc cụ thể.

Thứ ba, là tăng cường công tác quản lý đầu tư để nâng cao hiệu quả kinh tế hoạt động đầu tư:

Để tăng cường công tác quản lý đầu tư cần phải có những điều kiện sau đây:

Phải có cơ chế quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài thích ứng và linh hoạt. Cơ chế quản lý thể hiện ở những hình thức tổ chức quản lý và phương thức quản lý. Cơ chế quản lý phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đúng thực tiễn hoạt động đầu tư nước ngoài nhằm xác định đầu mối rõ ràng, thống nhất về quản lý đầu tư và có những phương pháp

quản lý hữu hiệu. Một mặt cơ chế quản lý đầu tư nước ngoài phải phù hợp và thông thoáng, cởi mở nhưng phải đảm bảo thực hiện đúng chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tăng cường công tác bồi dưỡng và đào tạo lại trình độ chuyên môn và trình độ quản lý dự án nhằm nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ hiện thời. Từng bước cải thiện điều kiện và phương tiện làm việc cho các cơ quan quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý của đội ngũ cán bộ hiện thời. Từng bước cải thiện điều kiện và phương tiện làm việc cho các cơ quan quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Đặc biệt đối với lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài, cần chú trọng nâng cao năng lực và hiệu lực công tác của cơ quan đầu mối trực tiếp tham mưu về kinh tế đối ngoại của tỉnh như bố trí đủ cán bộ có năng lực cả chuyên môn và ngoại ngữ trang bị đầy đủ phong tiện hoạt động, cài đặt phần mềm vi tính quản lý dự án kể cả nối mạng với các Bộ TW nếu thấy cần thiết.

Các công cụ quản lý hoạt động đầu tư phải đủ mạnh và hiệu quả. Các công cụ quản lý đầu tư bao gồm: hệ thống luật có liên quan đến hoạt động đầu tư, các chính sách và đòn bẩy kinh tế, các quy hoạch tổng thể và chi tiết của ngành và địa phương về đầu tư, các tài liệu phân tích đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư, các thông tin về tình hình cung cầu, giá cả; kinh nghiệm quản lý, các phong tiện quản lý, các phương tiện quản lý hoạt động đầu tư như hệ thống lưu trữ và xử lý thông tin, hệ thống bưu chính viễn thông, thông tin liên lạc. Các công cụ này được nhà quản lý sử dụng để tác động trực tiếp đến đối tượng bị quản lý là hoạt động đầu tư vì thế nó có ý nghĩa quan trọng để làm tăng hiệu quả quản lý.

3. Cải thiện điều kiện hấp thụ dự án đầu tư.

Để cải thiện môi trường hấp thụ dự án đầu tư, cần tập trung giải quyết một số vấn đề chính sau đây:

- Tập trung một nguồn lực tài chính cần thiết để đầu tư và nâng cấp một số công trình cơ sở hạ tầng, dịch vụ trọng điểm và quan trọng mang tính then chốt ở Cao Bằng nhằm cải thiện một bước về cơ sở hạ tầng và dịch vụ ở tỉnh.

- Cân đối đủ nguồn vốn đối ứng cho các dự án ODA và cho các dự án đầu tư trong nước cần vốn đối ứng, dành một lượng vốn để hỗ trợ đầu tư theo phong châm "Nhà nước hỗ trợ dân làm là chính" nhằm huy động mạnh vốn đầu tư từ dân.

- Thực hiện tốt các biện pháp cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư ngoài nước.

Thứ nhất, tập trung đầu tư nâng cấp một số cơ sở hạ tầng, dịch vụ quan trọng nhằm tạo ra sự hấp dẫn cho các nhà đầu tư.

- Đầu tư nâng cấp tỉnh : đầu tư một số công trình cơ sở hạ tầng trọng điểm của tỉnh như nâng cấp đường và lát vỉa hè; đầu tư điện chiếu sáng, cải tạo hệ thống biển báo thông tin, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải...

- Nâng cấp khách sạn Cao Bằng đạt tiêu chuẩn khách sạn có sao đủ điều kiện đón nhận các nhà đầu tư nước ngoài.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ phục vụ cho sự phát triển , hệ thống trường học, bệnh xá, dịch vụ thương mại, khu chung cư...

Thứ hai, tăng cường nguồn lực tài chính để kích thích đầu tư và hấp thụ dự án đầu tư nước ngoài: Ngân sách tỉnh hàng năm đảm bảo cân đối đủ nguồn vốn đối ứng để

thực hiện các dự án ODA đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng quan trọng, đầu tư phát triển hoặc các dự án vay vốn thương mại nước ngoài cần thiết; cân đối nguồn vốn hỗ trợ dân đầu tư.

Thứ ba, chuẩn bị tốt điều kiện đất đai để thực hiện dự án đầu tư:

- Quy hoạch sẵn và công khai quỹ đất dành cho các dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng mới để các nhà đầu tư lựa chọn; áp dụng giá thuê ưu đãi nhất và chế độ miễn giảm tối đa (áp dụng mức giá thấp nhất trong khung quy định của Chính phủ hoặc có thể miễn hoàn toàn). Tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng và giao đất cho chủ đầu tư một cách nhanh chóng, đúng tiến độ.

- Phát triển thêm một số cụm công nghiệp xung quanh thị xã, hoặc ở những nơi có vùng nguyên liệu tập trung để có đất cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thành lập.

Thứ tư, thiết lập hệ thống cung cấp thông tin và thực hiện tốt các biện pháp cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư.

- Cần hình thành tổ chức làm dịch vụ tư vấn cung cấp thông tin để giúp các nhà đầu tư có được những thông tin và các kỹ năng cần thiết từ khâu lập dự án đến khâu thực hiện dự án đầu tư, các thông tin về thị trường, thông tin về thiết bị công nghệ.

- Lập danh mục các dự án ưu tiên đầu tư để kêu gọi đầu tư nước ngoài. Giới thiệu tiềm năng và các cơ hội đầu tư của tỉnh.

4. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh, khắc phục triệt để những tồn tại yếu kém trong bố trí cơ cấu đầu tư và điều hành thực hiện.

Việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư để sử dụng các nguồn vốn đầu tư đúng mục tiêu là giải pháp tích cực và hiệu quả nhất trong tình hình mà nguồn vốn còn nhiều hạn chế. Hướng điều chỉnh tập trung vào các lĩnh vực sau:

Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến gắn với phát triển vùng nguyên liệu nông lâm sản, sản xuất hàng xuất khẩu và các mặt hàng tiêu dùng; chú ý phát triển những ngành công nghệ ít vốn thu hút nhiều lao động. Phát triển những ngành truyền thống, có điều kiện về tài nguyên, nguồn vốn và đảm bảo được hiệu quả, tiện khai thác và chế biến theo hướng chiều sâu là chính để cải tạo các cơ sở có hiệu quả và phát triển một số cơ sở mới.

Phát triển mạnh một số loại hình dịch vụ như bưu chính, viễn thông dịch vụ du lịch, vận tải thương mại, dịch vụ khoa học công nghệ theo hướng vừa phát triển thị trường nội địa vừa nhanh chóng vươn ra thị trường bên ngoài.

Đối với những nhóm mặt hàng đang chịu sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường nội địa, trong nước và quốc tế, kiên quyết không đầu tư mới các cơ sở sản xuất với công nghệ, thiết bị lạc hậu, tạo ra những sản phẩm có tính cạnh tranh kém. Tập trung cải tạo công nghệ, thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã đáp ứng kịp thời thị hiếu của người tiêu dùng, hạ giá thành sản phẩm.

5. Nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư.

Cùng với thực hiện các giải pháp mang tính trực tiếp để thu hút vốn nước ngoài cho đầu tư phát triển thì nâng cao hiệu quả đầu tư là một giải pháp mang tính gián tiếp có tác động kích thích quá trình tái đầu tư. Hiệu quả đầu tư cao là tín hiệu để thu hút, huy động các nguồn vốn trực tiếp ngược lại việc đẩy mạnh đầu tư luôn luôn phải đi đôi với nâng cao hiệu quả đầu tư thì hoạt động đẩy mạnh đầu tư đó mới có ý nghĩa, vừa tiết kiệm được nguồn vốn đầu tư vừa không tạo ra gánh nặng cho tương lai.

6. Một số giải pháp khác.

Đầu tư phát triển khoa học công nghệ và đầu tư phát triển nguồn nhân lực là 2 nội dung của hoạt động đầu tư phát triển mang tính chất hỗ trợ cho quá trình thu hút vốn đầu tư. Trong thời điểm hiện nay và trong tương lai, 2 nhân tố này được xác định là 2 nhân tố quan trọng nhất của nền kinh tế, quyết định đến tốc độ tăng trưởng và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá.

6.1. Đầu tư phát triển công nghệ.

Tăng cường năng lực công nghệ sẽ có tác động tốt đến quá trình sản xuất kinh doanh: giảm chi phí nhân công, nguyên vật liệu; tăng doanh thu, lợi nhuận; tăng khả năng cạnh tranh, vị thế của sản phẩm từ đó dẫn đến tăng tích lũy nội bộ nền kinh tế, doanh nghiệp. Nguồn tích lũy này sẽ bổ sung cho hoạt động đầu tư phát triển.

Cao Bằng là tỉnh miền núi phía Bắc, để đảm bảo phát triển bền vững và ổn định nguồn công nghệ ngoài việc tiếp nhận công nghệ từ bên ngoài thì thời gian tới tỉnh cần tích cực đầu tư nghiên cứu, ứng dụng công nghệ theo hướng sau:

Về lĩnh vực nông nghiệp: Tăng cường đầu tư cho những mô hình ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, nhân rộng kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Đa giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất tiến tới làm chủ công nghệ sản xuất giống, từng bước cơ khí hoá trong sản xuất, ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản, chế biến, sản xuất thực phẩm sạch.

Đối với lĩnh vực công nghiệp: Cần có cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp quan tâm đến đầu tư đổi mới công nghệ thông qua hỗ trợ từ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng có được thêm do đổi mới công nghệ. Có chế độ thưởng cho các doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và hỗ

trợ trong việc tiêu thụ sản phẩm mới; bảo vệ nhãn mác, thương hiệu của những sản phẩm có uy tín chống hiện tượng làm hàng giả, hàng nhái.

6.2. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

Nâng cao dân trí và phát triển nhanh nguồn nhân lực.

Thu hút đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp từ ngoài tỉnh vào các lĩnh vực sản xuất có hàm lượng "chất xám" cao Tiếp nhận và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, những sinh viên có thành tích nghiên cứu, học tập xuất sắc từ các trường đại học trong và ngoài tỉnh.

Đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên, công nhân

Trong điều kiện nguồn đầu tư có hạn, muốn phát triển Kinh tế xã hội nhanh, thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, giảm bớt khoảng cách, tránh tụt hậu xa về kinh tế so với mức trung bình của cả nước thì phải lựa chọn trọng điểm đầu tư tạo ra khâu đột phá đưa kinh tế bứt lên.

Sau khi nghiên cứu các trọng điểm đầu tư đã lựa chọn của quy hoạch trước và qua thực hiện quy hoạch một số năm, với những phân tích qua khảo sát tình hình thực tế tranh thủ ý kiến các chuyên gia,.. nên tập. trung đầu tư vào các lĩnh vực sau đây :

Nâng cao dân trí và phát triển nhanh nguồn nhân lực.

Nâng cấp và phát triển giao thông trực chính, giao thông nông thôn, giao thông vùng tập trung tài nguyên, giải quyết điện nước.

Kết luận

Đầu tư phát triển đầu tư nước ngoài trong giai đoạn hiện nay và trong những thập niên tới là con đường hữu hiệu nhất, là cơ sở để phát triển kinh tế xã hội địa phương. Cao

Bằng đã có một số tiền đề cần thiết để phát triển kinh tế có tiềm năng về tự nhiên đa dạng phong phú, có lịch sử phát triển lâu đời. Nhưng làm thế nào để phát huy tối đa những tiềm năng đó, Cao Bằng cần huy động mọi nguồn vốn của các thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư cho phát triển kinh tế. Cần có những biện pháp xúc tiến đầu tư nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Cần có sự phối hợp giải quyết đồng bộ của các ngành, các cấp và sự hỗ trợ tích cực của nhà nước, địa phương về các vấn đề như: xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển giao thông vận tải, xây dựng hệ thống thị trường trong và ngoài nước, xoá bỏ sự phân cách giữa thành thị và nông thôn, miền núi, phát triển khoa học kỹ thuật và văn hoá giáo dục...Có như vậy thì việc mở rộng đầu tư của các thành phần kinh tế, đặc biệt là đầu tư nước ngoài để phát triển cao bằng trên con đường công nghiệp hoá hiện đại hoá mới mang lại những hiệu quả thiết thực.